

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2024/DSST**

Ngày: 12-6-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Thận;

2/ Ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Toàn – Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2023/TLST – DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST - DS, ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V

Địa chỉ: số 2, phường L, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T

(Theo quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 và giấy ủy quyền số 13/UQ-NHNoBĐ lập ngày 16/11/2023)

Nơi cư trú: Khu phố H, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1970

Cư trú tại: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị Minh S, sinh năm: 1975

Cư trú tại: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-11-2023 của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ngày 15 tháng 08 năm 2007 ông Nguyễn Văn Th cùng bà Trịnh Thị Minh S (bà Trịnh Thị Minh S ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Th tiến hành các thủ tục vay vốn) và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước - Phòng giao dịch B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng tín dụng số 71C110085/HĐTD ký ngày 15/08/2007. Theo đó, Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn Th vay vốn để chăm sóc điều với số tiền vay: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn). Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng đến hết ngày 14/08/2008. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 1.03%/tháng. Lãi suất quá hạn: 1.545%/tháng. Phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất điều chỉnh. Trong trường hợp lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tăng thì lãi suất vay cũng được điều chỉnh tăng tương ứng và được bên A thông báo cho bên B. Định kỳ trả lãi: 06 tháng/lần kể từ ngày giải ngân.

Để đảm bảo nợ vay theo hợp đồng tín dụng số 71.C110085/HĐTD ký ngày 15/08/2007, Ngân hàng đã ký kết với ông Nguyễn Văn Th hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số S93/HĐTC ngày 14/08/2007, được chứng thực tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước để thế chấp tài sản sau: Quyền sử dụng đất có diện tích 311m², tọa lạc thôn 4 (nay là thôn 3), xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 (đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 397370, số vào sổ cấp GCN: H 00164 do UBND huyện B cấp ngày 10/08/2005 cho Hộ ông bà: Nguyễn Văn Th và Trịnh Thị Minh S). Việc thế chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Th đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 14/8/2007. Ông Nguyễn Văn Th đã cam kết nếu không thực hiện đúng những điều khoản đã nêu trong hợp đồng tín dụng thì sẽ bị xử lý theo pháp luật quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đúng như trong hợp đồng đã ký giữa hai bên. Đến thời hạn trả nợ thì ông Nguyễn Văn Th không thực hiện nghĩa vụ trả đầy đủ số tiền vay và tiền lãi cho ngân hàng theo nội dung của Hợp đồng tín dụng số 71.C110085/HĐTD ký ngày 15/08/2007. Ngân hàng đã nhiều lần đơn đốc thu hồi nợ nhưng ông Nguyễn Văn Th vẫn chây ỳ không chịu trả hết nợ cho Ngân hàng. Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng không bị ảnh hưởng xấu bởi hành vi vi phạm của ông Nguyễn Văn Th. Nay Ngân hàng khởi kiện ông Nguyễn Văn Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V số tiền gốc là 50.000.000đ

và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 71.C110085 ký ngày 15/08/2007 tính đến xét xử (ngày 12/6/2024) là: 41.502.667 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 12/6/2024 cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nói trên.

Trường hợp Ông Nguyễn Văn Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự xử lý tài sản đã thế chấp ghi nhận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số S93/HĐTC ngày 14/08/2007 được chứng thực tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước để Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Minh S trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Th là vợ chồng. Do có nhu cầu vay vốn Ngân hàng để đầu tư chăm sóc điều nên bà và ông Nguyễn Văn Th nhất trí vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước - Phòng giao dịch B với số tiền là 50.000.000 đồng (bằng chữ: năm mươi triệu đồng). Do bà ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Th vay vốn Ngân hàng nên việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp do ông Nguyễn Văn Th trực tiếp ký kết. Khi vay vốn Ngân hàng, vợ chồng bà có thế chấp tài sản theo như Ngân hàng đã trình bày.

Do hoàn cảnh khó khăn và ông Nguyễn Văn Th bỏ đi khỏi địa phương nên vợ chồng bà không trả tiền vay và tiền lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Nay Ngân hàng khởi kiện bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc trả tiền vay, tiền lãi phát sinh và đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Minh S liên đới trả tiền vay 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của các bên cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm khi ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Thanh T (là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông Nguyễn Văn Th (là bị đơn) vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Văn Th.

[1.2] Đối với chị Nguyễn Thị Thanh Th, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Th1 và chị Nguyễn Thị Th2 (là con chung của ông Nguyễn Văn Th và bà Trịnh Thị Minh S). Tại thời điểm cấp giấy CNQSDĐ đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S (năm 2005) và tại thời điểm vay vốn Ngân hàng (năm 2007) thì chị Nguyễn Thị Thanh Th (sinh năm; 2005), chị Nguyễn Thị Th (sinh năm: 1998), chị Nguyễn Thị Th1 (sinh năm: 1995) và chị Nguyễn Thị Th2 (sinh năm: 2000) còn nhỏ. Bản thân chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Th1, chị Nguyễn Thị Thanh Th và chị Nguyễn Thị Th2 không có yêu cầu đối với tài sản thế chấp cho Ngân hàng, không có ý kiến gì đối với việc vay vốn Ngân hàng và từ chối tham gia tố tụng. Do đó, việc không đưa chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Th1, chị Nguyễn Thị Thanh Th và chị Nguyễn Thị Th2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Xét: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V khởi kiện ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo như ghi nhận trong hợp đồng tín dụng cũng như lời khai của bà Trịnh Thị Minh S thì bị đơn ông Nguyễn Văn Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét giao dịch giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn Th được lập ngày 15 tháng 8 năm 2007. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, giao dịch dân sự giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn Th đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V yêu cầu ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S trả số tiền vay 50.000.000đ:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam khai nhận Ngân hàng có cho ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S vay số tiền 50.000.000đ, vay ngày 15/8/2007, thời hạn vay là 12 tháng. Ngân hàng cung cấp cho Tòa án hợp đồng tín dụng số 71.C110085 ký ngày 15/08/2007 (bút lục số 11) để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Quá trình giải quyết

vụ án và tại phiên tòa, bà Trịnh Thị Minh S thừa nhận lời khai của Ngân hàng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S vay tiền của Ngân hàng là có thật.

Trong hợp đồng tín dụng số 71.C110085 ký ngày 15/08/2007 có ghi nhận *“Thời hạn cho vay: 12 tháng.....ngày nhận tiền vay lần đầu là 15/8/2007; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 14/8/2008”*. Như vậy, thời hạn ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S phải trả tiền vay cho Ngân hàng chậm nhất là ngày 14/8/2008. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S trả số tiền vay 50.000.000đ là có cơ sở.

[5] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Nguyên đơn khai nhận ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S chưa có thanh toán số tiền lãi cho Ngân hàng. Bà Trịnh Thị Minh S thừa nhận việc này. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 15/8/2007 đến ngày 12/6/2024 (ngày xét xử) với lãi suất là 7,29%/ năm với số tiền là 41.502.667 đồng. Xét, theo nội dung của Hợp đồng tín dụng số 71.C110085 ký ngày 15/08/2007 thì lãi suất cho vay là 1,03%/ tháng tương đương với lãi suất 12,36%/ năm, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và vay có lãi. Tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận.... Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất”*. Tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này”*. Xét, các bên tự nguyện thỏa thuận việc tính lãi tại hợp đồng tín dụng là không vi phạm điều cấm của pháp luật về giao dịch tín dụng. Do đó, có giá trị ràng buộc quyền, nghĩa vụ trả lãi của các bên. Mặt khác, lãi suất mà Ngân hàng áp dụng với ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S là phù hợp với lãi suất đã được ghi nhận trong hợp đồng tín dụng và ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Do đó, căn cứ vào khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của Ngân hàng.

[6] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn: Ngân hàng khai nhận khi ký kết hợp đồng tín dụng thì ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S có thể chấp quyền sử dụng đất có diện tích 311m² tọa lạc thôn 4 (nay là thôn 3), xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 cùng tài sản trên đất (đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB 397370, số vào sổ cấp GCN: H 00164.do UBND huyện B cấp ngày 10/08/2005 cho Hộ ông bà: Nguyễn Văn Th và Trịnh Thị Minh S). Việc thế chấp có làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số S93/HĐTC ngày 14/08/2007, được chứng thực tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 14/8/2007. Căn cứ vào Điều 298, Điều 317 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định Hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm gồm: *“Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”*. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm khi ông Nguyễn Văn Th, bà Trịnh Thị Minh S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

[7] Về các nội dung khác:

[7.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn anh Nguyễn Văn Th nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn Th vắng mặt coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[7.2] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ là 1.500.000đ. Tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”*. Do yêu cầu xử lý tài sản của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Minh S phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ. Tại khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ”*. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Trịnh Thị Minh S hoàn trả số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ là 1.500.000đ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

[7.3] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.”*. Do đó, bị đơn ông Nguyễn Văn Th và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Minh S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận

[7.4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 299, Điều 320, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

- Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Minh S liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền vay là 50.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử (ngày 12/6/2024) là 41.502.250 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bị đơn ông Nguyễn Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Minh S phải trả là 91.502.667 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Minh S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5606-LAV-202204713 ngày 08/6/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bị đơn ông Nguyễn Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Minh S thanh toán xong nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V có trách nhiệm trả lại tài sản mà bị đơn ông Nguyễn Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Minh S đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số S93/HĐTC ngày 14/08/2007.

Nếu bị đơn ông Nguyễn Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Minh S không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng Nông nghiệp và

Phát triển Nông thôn V có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp được ghi nhận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số S93/HĐTC ngày 14/08/2007 để thu hồi nợ.

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Minh S phải hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ là 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng).

3/ Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Minh S phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.575.133 đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V số tiền tạm ứng án phí là 2.249.598 đồng theo biên lai thu tiền số 0001385 lập ngày 29/11/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/6/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND t. Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh